

BÀN VỀ CẤU TRÚC MỤC TỪ ÁO DÀI NGƯỜI KINH TRONG QUYỂN 35 THUỘC ĐỀ ÁN BIÊN SOẠN BÁCH KHOA TOÀN THƯ VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH HẢO *

Tóm tắt: Từ thời Văn Lang, người Kinh trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đã biết trồng đay, ương tơ, dệt vải để đáp ứng nhu cầu về mặc. Cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục trên toàn cõi Đàng Trong, đánh dấu sự xuất hiện của quần chân áo chít. Quần chân có hai ống phân biệt với quần không đáy. Áo chít có năm thân, tiền thân của áo dài cổ đứng cài khuy hẹp tay. Sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, bộ trang phục này từng bước trở thành trang phục chung cho cả nam và nữ, được gọi là áo dài. Việt Nam hiện nay là một nước đang trên đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế nên bách khoa toàn thư nói chung và trang phục truyền thống Việt Nam nói riêng sẽ là một mảng tri thức không thể thiếu. Tìm hiểu về áo dài người Việt sẽ xác định được cấu trúc mục từ *Áo dài người Kinh* trong Quyển 35 thuộc Đề án Biên soạn *Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

Từ khóa: Áo dài, *Áo dài người Kinh*, trang phục truyền thống, *Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

Abstract: From the Van Lang dynasty, the Kinh people in the Vietnamese ethnic communities had known how to grow jute, nurse silk, and weave cloth to meet the needs of clothing. The reform in 1744 was a major one in clothing throughout South Vietnam, marking the appearance of tight-fitting clothes. Leg pants have two legs to distinguish them from bottomless pants. The tunic

has five bodies, the forerunner of the long-sleeved stand-up collared “Áo dài”. After the Nguyen dynasty reunified the country, this costume gradually became a common costume for both men and women, called Áo dài. Vietnam is currently a country on the way of industrialization - modernization and international integration, so encyclopedias in general and Vietnamese traditional costumes in particular will be an indispensable piece of knowledge. Learning about the Kinh people’s Áo dài will determine the structure of the entry *Áo dài of Kinh people* in the Volume 35 of the Project of compiling the *Encyclopedia of Vietnam*.

Keywords: Áo dài, *Áo dài of Kinh people*, traditional costumes, *Encyclopedia of Vietnam*.

1. Mở đầu

Trang phục là một trong ba yêu cầu của đời sống vật chất (ăn, ở, mặc) có chức năng bảo vệ thân thể và làm đẹp con người. Mặc nằm trong nhóm nhu cầu bảo đảm sự sinh tồn của con người và xã hội, đóng vai trò

tín hiệu, đồng thời cũng biểu đạt đặc sắc thị hiếu và thẩm mỹ. Trên phương diện giao lưu văn hóa, trang phục luôn ảnh hưởng và nhận ảnh hưởng của nhiều nền văn hóa khác.

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, 54 dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam là 54 nét bản sắc văn hóa riêng biệt trong tổng hòa văn hóa Việt Nam. Tùy theo nguồn gốc tộc người và điều kiện sinh sống, mỗi dân tộc Việt Nam lại có trang phục truyền thống độc đáo và đặc trưng khác nhau. Sự phong phú và đa dạng này đã tạo nên một bức tranh văn hóa đa sắc màu. Trong bức tranh ấy, dấu ấn văn hóa xuất hiện khi người Kinh dần có sự quan tâm đến trang phục. Với trường hợp áo dài, năm 1545, sau khi xin vào trấn thủ vùng Thuận Hóa, Nguyễn Hoàng cùng con cháu đã phát triển Đàng Trong. Cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục với sự xuất hiện của quần chân áo chít. Quần chân có hai ống phân biệt với quần không đáy. Áo chít có năm thân, tiền thân của áo dài cổ đứng cài khuy hẹp tay. Sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, bộ trang phục này từng bước trở thành trang phục chung cho cả nam và nữ, được gọi là áo dài.

2. Vài nét về áo dài người Kinh

2.1. Áo dài

Trang phục Việt Nam đã được các nhà nghiên cứu quan tâm từ rất sớm. *Loại chí* của Phan Huy Chú (1782 - 1840) là tập chuyên khảo trang phục các triều đại đầu tiên tại Việt Nam. Tiếp đến là Trương Quốc Dụng (1797 - 1864) với *Công hạ ký văn* khảo cứu quy chế áo mũ cung đình từ triều Lê đến triều Nguyễn. Năm 1915 là Phan Kế Bính với *Việt Nam phong tục*. Năm 1938 là Đào Duy Anh với *Việt Nam văn hóa sử cương*. Năm 1970 là Toan Ánh với *Nếp cũ con người Việt Nam* và Nhất Thanh với *Đất lệ quê thời*,... Gần đây là các tác giả như

Đoàn Thị Tình với *Tìm hiểu trang phục Việt Nam* (1988), *Trang phục Việt Nam* (2006); Ngô Đức Thịnh với *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam* (1994); Trịnh Quang Vũ với *Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam* (2005), *Trang phục triều Lê Trịnh* (2008); Trần Quang Đức với *Ngàn năm áo mũ* (2013);... Thông qua các nghiên cứu, lịch sử ra đời của áo dài người Việt được thể hiện rất rõ.

Từ điển bách khoa Việt Nam nêu định nghĩa về áo dài: là “trang phục của nam và nữ, che thân từ cổ đến đầu gối hoặc quá đầu gối. Áo dài có thể có 2 - 5 thân, mở cạnh hoặc giữa; Cổ đứng cao, thấp hoặc cổ bẻ, cổ tròn,...; vai liền, hoặc nổi hoặc vai bông, tay dài hoặc không tay; Vạt có thể dài, ngắn, rộng, hẹp; Gấu gập, vê, thẳng, lượn, góc vuông, góc tròn, vv.” [5, tr.81].

Áo dài thường được mặc kết hợp cùng với nón quai thao, nón lá hoặc khăn đóng. Dựa theo hình dạng và cấu tạo của cổ áo, áo dài có thể coi là một dạng áo lập lĩnh, tức áo cổ đứng. Đa dạng về hình thức, trải qua lịch sử hình thành và qua trình tồn tại lâu dài, áo dài ở Việt Nam được nhiều đối tượng sử dụng, yêu thích: Nhà tu hành mặc áo dài cổ rộng có nẹp, đính dải buộc cạnh và tay thụng; Võ tướng xưa mặc áo dài bó sát thân, có trang trí hoa văn; Người dân thường (cả nam và nữ) khi mới có áo dài mặc áo tứ thân, sang thế kỷ XX nam giới mặc áo dài 5 thân, cài khuy nách, cổ tay rộng vừa phải; Áo tân thời những năm 1930 - 1940 dành cho nữ giới;...

2.2. Sự hình thành và phát triển

Trước khi xuất hiện áo dài, trang phục phổ biến của người Kinh là dạng áo giao lĩnh (tức áo cổ chéo) và áo viên lĩnh (tức áo cổ tròn). Đời thứ 8, Hiều Quốc công Nguyễn Phúc Khoát tự xưng vương, thực thi các sắc lệnh thay đổi triều nghi phẩm phục trong cung đình và dân gian nhằm xóa bỏ “thói tục hủ lậu” của Đàng Ngoài

biển Đàng Trong thành một nước có văn hiến áo mũ rực rỡ. Cải cách y phục năm 1744 ban đầu được áp dụng tại Thuận Hóa và Quảng Nam, về sau được phổ biến rộng rãi trong toàn quốc và *quần chân áo chít* từng bước trở thành quốc phục của triều Nguyễn. Thời kỳ đó, phụ nữ Bắc Hà và tầng lớp dân nghèo phải rất lâu sau mới quen được với trang phục này do họ đã quen mặc áo tứ thân, giao lĩnh. Sự bảo thủ này trở thành nguyên nhân chính dẫn đến những sắc lệnh cấm đoán y phục gắt gao dưới triều vua Minh Mạng và áo tứ thân, váy đụp, khó bị rơi vào dạng trang phục cần phải cải cách triệt để. Tuy nhiên, sau thời Minh Mạng sự cấm đoán này không còn nữa do vậy đến đầu thế kỷ XX các dạng khăn khô, váy đụp vẫn được tiếp tục sử dụng. [3, tr.264-265].

Cấm lệnh y phục cổ cụ của người miền Bắc, nhà Nguyễn còn ban bố sắc lệnh thống nhất trang phục nam nữ trong toàn quốc, yêu cầu người Bắc Hà phải theo lối trang phục chuẩn mực của người miền trong là quần chân, áo chít. Lúc đầu khi mới áp dụng người Bắc Hà chỉ có nam giới tuân thủ, phụ nữ dần dần thuận theo sau do những sắc lệnh ngày một gắt gao.

Quần chân có hai ống chân khác biệt với quần không đáy hay còn gọi là “chiếc váy cổ cụ” của phụ nữ Việt xưa. Áo chít (áo năm thân) được may bằng 5 khổ vải với hai vạt trước, hai vạt sau, thân bên phải dôi ra một khổ ngắn. Quần chân áo chít của nam và nữ được thiết kế giống nhau, làm cơ sở cho sự xuất hiện của áo dài cổ đứng cài khuy hẹp tay. Sau khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, đặc biệt dưới triều vua Minh Mạng, áo dài cổ đứng cài khuy hẹp tay kết hợp cùng quần hai ống trở thành trang phục chung cho cả nam và nữ, có tên là áo dài.

Đầu thế kỷ XX, áo dài nữ được may theo

dáng rộng, tay áo chít, người mặc thường mặc thêm một áo ngắn bên trong. Màu sắc của áo nhẹ nhàng, quần luôn là màu tối. Xã hội phong kiến quan niệm mặc quần trắng là thiếu đứng đắn. Ở miền Bắc, cổ áo được may thấp và mở rộng hơn để có thể khoe đồ trang sức đeo bên trong. Ở miền Nam, cổ áo may cao hơn và có cúc cài kín khi mặc, trang sức đeo ra bên ngoài. Áo dài nam có thiết kế cơ bản là cổ đứng, thân sau được may bằng cách ghép hai mảnh vải dọc sống lưng. Thân trước cũng do hai mảnh vải dọc ghép lại, ngoài ra còn có một mảnh thân ngắn ở lớp dưới của thân áo trước. Hai lớp được kết nối với nhau bằng năm chiếc khuy từ cổ đến dưới cánh tay. [10, tr.148]

Thập niên 1930 - 1940, “áo dài tân thời” ra đời. Họa sĩ Cát Tường cùng nhóm Tự lực văn đoàn đã khởi xướng phong trào cách tân áo dài truyền thống với phương châm: Quần áo tuy dùng để che thân, song nó là tấm gương ngoài phản chiếu ra cái trình độ, trí thức của một đất nước. Kiểu áo Le Mur do họa sĩ sáng tác lấy cảm hứng từ chiếc váy của phương Tây với nổi vai, tay phồng và cổ lá sen. Màu sắc nhẹ nhàng của áo được thay bằng màu sặc sỡ, tươi sáng mặc kết hợp với quần trắng. Áo dài cách tân bị dư luận thời đó lên án mạnh mẽ, cho là không đứng đắn và chỉ có giới nghệ sĩ phong cách tân thời mặc. [10, tr.150]

Năm 1934, sau khi họa sĩ Lê Phổ cải tiến kiểu áo dài Le Mur bằng cách kết hợp cùng áo tứ thân truyền thống. Kiểu tay phồng không còn, áo may cổ kín, cài nút bên phải, thân áo ôm sát người, hai tà áo mềm hơn. Kiểu áo dài do Lê Phổ cải tiến rất được đón nhận. [10, tr.151]

Cùng thời gian này, áo dài nam trải qua nhiều thăng trầm hơn và mất dần đi vị thế của mình trong xã hội do sự du nhập của văn hóa phương Tây.

Thập niên 1940 - 1950, áo dài được cắt lượn theo thân người, sườn áo dài bắt đầu được may có eo, thân áo sau rộng hơn thân áo trước, nhất là ở phần hông, để áo ôm theo thân dáng mà không cần chít eo. Áo mang nét thanh thoát mà vẫn tôn dáng người mặc nhờ những nét mới, phù hợp.

Chịu ảnh hưởng bởi yếu tố địa lý và văn hóa vùng miền, áo dài tại ba miền Bắc - Trung - Nam có sự khác biệt. Ở miền Nam phụ nữ thích mặc áo có tông màu đậm. Ở miền Bắc, phụ nữ chọn màu sắc tươi tắn và chất liệu nhẹ nhàng. Tại miền Trung, đặc biệt ở Huế do không khí trầm mặc ảnh hưởng bởi cung đình xưa nên phụ nữ thường chọn cho mình tông màu như màu tím. Giống nhau về kiểu dáng và kết cấu nhưng tà áo có thể ngắn hoặc dài hơn, ôm hoặc không ôm hơn một chút.

Thập niên 1960 - 1970, áo dài có thêm nhiều biến đổi. Áo may chít eo, cài khuy chặt, eo cắt cao lên, gấu cắt thẳng ngang và chiều dài gần đến mắt cá chân. Cách may này có nhược điểm lớn là các nếp nhăn rất dễ xuất hiện ở hai bên nách. Vì vậy, những năm 1960, cách ráp tay raglan vào áo dài được sử dụng. Với cách ráp này, tay áo được nối từ cổ xéo xuống nách. Tà trước nối với tà sau qua hàng nút bấm từ cổ xuống nách và dọc theo một bên hông. Kiểu ráp này vừa giảm thiểu nếp nhăn ở nách, cho phép tà áo ôm khít theo đường cong người mặc, vừa giúp người phụ nữ cử động tay thoải mái, linh hoạt. Về màu sắc, lúc này áo dài màu trở thành thời thượng, trở thành biểu tượng cho phong cách trẻ trung năng động của những thiếu nữ hiện đại. Từ đây, chiếc áo dài người Kinh đã được định hình.

Từ đó đến nay, áo dài không thay đổi nhiều. Sự thay đổi chủ yếu chỉ nằm ở vạt áo dài hay ngắn, cổ này hay cổ kia, tay dài hay tay lỡ. Tiếp thu biến đổi phù hợp xu hướng thời trang, chất liệu may được nâng cao và

kỹ thuật thì ngày càng tiên bộ. Áo có thể được thêu, vẽ sơn mài, đính cườm, kết hạt; Có thể cài cúc bấm, có thể kéo khóa. Chiều dài áo tùy theo mong muốn của người mặc. Quần được may chằm gót chân, ngắn hoặc dài qua gót chân. Ống quần rộng bằng vai mềm, rũ. Màu sắc quần không còn bó hẹp bởi màu trắng hay màu đen mà có thể cùng tông màu áo hoặc cùng vải áo.

Áo dài nam vẫn xuất hiện trong các sự kiện quan trọng như cưới hỏi, hoạt động nghệ thuật hay sinh hoạt tín ngưỡng nhưng không phổ biến rộng khắp như áo dài nữ.

3. Áo dài người Kinh với giá trị văn hóa truyền thống

Nét riêng trong cách mặc của người Việt là chất nông nghiệp. Gắn bó với văn minh lúa nước, trang phục người Việt luôn có nguồn gốc từ các sản phẩm tự nhiên như tơ tằm, tạo nên chất liệu may mặc - mỏng, nhẹ, thoáng mát phù hợp với thời tiết và khí hậu, phù hợp điều kiện sinh hoạt. Chính vì vậy, trang phục người Việt truyền thống thường đơn giản và mang tính ứng dụng. Màu sắc tương phản tạo nên điểm nhấn. Lấp ló trong, ló ngoài thể hiện qua cách sử dụng chất liệu vải tạo nên sự duyên dáng, kín đáo. Thông qua những đặc điểm này, văn hóa mặc của người Việt được xác lập.

Đối với phụ nữ, từ thế kỷ XIX, áo dài bắt đầu trở thành trang phục phổ biến trong đời sống người Kinh. Cùng với sự du nhập của khuynh hướng thời trang phương Tây, áo dài đã có nhiều cải tiến.

Việc mô phỏng theo mô hình triều đại phong kiến Trung Quốc đã khiến cho triều nghi, phẩm phục của vua chúa quan lại Việt không thể không có sự bắt chước theo diện mạo của trang phục cung đình phương Bắc. Tuy nhiên, do ý thức được về việc gìn giữ bản sắc khác biệt để chống đồng hóa nên các vương triều Việt Nam cho đến thời Đại Việt vẫn muốn dân chúng giữ nguyên

phong tục cũ trong đó có các loại y phục dân gian Việt cổ.

Tổng hợp nhiều ghi chép về sự kiện này Trần Quang Đức đã nhận định: “cải cách năm 1744 là một cuộc cải cách lớn về y phục cung đình và dân gian diễn ra trên toàn cõi Đàng Trong. Nguồn tham khảo chính để đặt định y phục là các sách Hội điển ghi chép điển chương chế độ của các triều đại Hán, Đường, Tống, Minh, Thanh, đặc biệt là Tam Tài đồ hội của Vương Kỳ thời Minh” [3, tr.260-261].

Giành lại độc lập sau 1000 năm Bắc thuộc nhân dân Đại Việt đã sáng tạo nên một nền văn hóa rực rỡ. Nhiều yếu tố văn hóa Hán đã được Việt hóa phù hợp với tâm hồn tình cảm, tư duy của người Việt. Cùng với việc thay đổi về chính trị - xã hội, đề cải cách về y phục, Hiếu Quốc công nhân lời sấm truyền của người Nghệ An đã sai lấy thể chế áo mũ trong sách Tam tài đồ hội thực hiện. Theo đó, nam nữ mặc áo nhu bào, mặc quần, vắn khăn. Trang phục nhà cửa đồ dùng của Bắc Hà được coi như hủ lậu và cần thiết phải thay đổi giống thể chế Minh Thanh, quan phục thì tham khảo chế độ của các triều đại Trung Quốc. Thực chất đây là kết quả tất yếu của một quá trình vận động và biến đổi trong đời sống chính trị, xã hội ở Đàng Trong đã bắt đầu xuất hiện từ trước đó khá lâu. Người dân Bắc Hà phải mất nhiều thời gian đề quen với trang phục này khi đã mặc áo tứ thân, giao lĩnh từ rất lâu rồi. Sắc lệnh thống nhất y phục được triều đình Minh Mạng lần lượt ban ra vào các năm 1828, 1829, 1830, 1832, 1837; Tháng 1.1842 ra lệnh cấm áo quần Bắc Hà “Quan tỉnh Hà Ninh cho rằng: xa giá ra Bắc, mà Bắc Kỳ quần áo chưa được nhất tề, bèn nhắc lại lệnh nghiêm cấm trước, bắt nhân dân Bắc Kỳ theo thể chế Nam Kỳ mà may mặc” [*Việt sử di biên, Tập hạ*, tr.17a - Dẫn theo [3, tr.263]. Cùng với việc bãi bỏ y phục của người miền Bắc, nhà Nguyễn ban

bổ sắc lệnh thống nhất trang phục nam nữ trong toàn quốc, sử dụng quần chân áo chít.

Sau cải cách y phục, đến thời Nguyễn, tiếp xúc văn hóa Pháp, nhận thức của người Việt có sự thay đổi bởi tác động của văn hóa, tư tưởng Pháp. Tuy nhiên, chịu ảnh hưởng của Nho giáo, nhà Nguyễn tự nhận là triều đại kế thừa văn minh Trung Hoa nhưng cũng hết sức tự tin về tính chính thống. Thời kỳ này lưu lại được nhiều ấn tượng về phong tục tập quán của người Việt khi quần chân áo chít trở thành trang phục phổ biến nhất cả trong cung đình lẫn dân gian. Nam giới thường mặc áo màu đen cài khuy hẹp tay, quần nhiều褶. Nữ giới mặc quần sồi, lĩnh thâm hay nhiều褶. Dần dần trang phục nữ được cải tiến, lược bớt sự lụng thụng, tiêu biểu là áo dài Le Mur của Cát Tường và áo dài Lê Phổ. Họa sĩ Cát Tường muốn làm cho chiếc áo dài phụ nữ không còn bất tiện, phù hợp khí hậu, công việc, hình dáng người mặc, tạo nên sự gọn gàng, giản dị, mạnh mẽ, đẹp và lịch sự. Họa sĩ Lê Phổ kết hợp áo dài Lemur với áo tứ thân. Từ thế kỷ XIX, áo dài bắt đầu trở thành trang phục phổ biến trong đời sống xã hội người Việt với chất liệu vải, màu sắc phong phú, kiểu dáng đa dạng. [10, tr.149-150]

Trong lịch sử nhân loại, hầu như không có tộc người nào tồn tại một cách hoàn toàn biệt lập mà không giao lưu văn hóa với các cộng đồng người lân cận. Sự giao lưu văn hóa thường dẫn đến tiếp biến văn hóa. Việt Nam đã tiếp xúc với văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây qua văn hóa Trung Hoa và văn hóa Pháp. Áo dài người Kinh đã hình thành từ sự giao lưu tiếp biến ấy, kết hợp với văn hóa truyền thống người Việt Nam, hoàn thiện và mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, trở thành trang phục truyền thống.

Xu thế phát triển đòi hỏi văn hóa mặc còn phải đạt đến giá trị thẩm mỹ. Áo dài

người Kinh đã ngày một thêm đẹp, thêm hoàn thiện, kết hợp hài hòa hai yếu tố bản sắc và quốc tế. Không chỉ là trang phục đời thường, áo dài trở thành loại trang phục chuẩn mực để phục vụ cho những dịp đặc biệt quan trọng.

4. Mục từ *Áo dài người Kinh* trong Quyển 35 thuộc Đề án biên soạn *Bách khoa toàn thư Việt Nam*

Trong lịch sử, nhà triết học cổ Hi Lạp Arixtôt được coi là nhà bách khoa thư sớm nhất khi viết những bài có tính bách khoa như vật lý học, siêu hình học, luận lý học, chính trị học,... để giảng dạy trong trường học ở Aten cách ngày nay trên 2300 năm. Ở phương Tây, bách khoa thư được hình thành và phát triển qua ba thời kỳ: cổ đại, trung đại và hiện đại. Thời kỳ hiện đại, bách khoa thư ngoài phục vụ tra cứu, tham khảo còn kiêm chức năng giáo dục. Cuối thế kỷ XX, loại hình bách khoa toàn thư điện tử trên đĩa CD - ROM xuất hiện. Năm 2001, Jimmy Wales và Larry Sanger, người Hoa Kỳ, đồng sáng lập dự án bách khoa toàn thư đa phương tiện được xây dựng trên trang web của Wikimedia Foundation. Bách khoa toàn thư mở ra đời cho phép người tra cứu truy cập miễn phí và có thể chỉnh sửa. Từ đó, Wikipedia phát triển nhanh và trở thành một trong những trang web tham khảo lớn nhất thế giới.

Ở Việt Nam, bộ *Vân đài loại ngữ* của Lê Quý Đôn ở thế kỷ XVIII, bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* 49 tập của Phan Huy Chú viết đầu thế kỷ XIX cũng được coi là những bộ có tính bách khoa thư đầu tiên của Việt Nam. Ngày 28.7.2014, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 1262/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án *Biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam* gồm 36 quyển, trong đó có Quyển 35 về Du lịch, Thể dục, Thể thao, Âm thực, Trang phục.

Đề án Biên soạn Bách khoa toàn thư Việt Nam đã hoàn thành việc xây dựng đề

cương các quyển chuyên ngành, xác định số lượng mục từ cần biên soạn. Các mục từ về áo dài được đưa vào biên soạn trong Quyển 35 bao gồm:

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ HÁN

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER MIỀN NÚI PHÍA BẮC

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER MIỀN TRUNG

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER NAM BỘ

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ MÔNG - DAO

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ NAM Á - KA ĐAI

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ NAM ĐÀO

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ TẠNG - MIỀN

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ TÀY THÁI

ÁO DÀI CÁC DÂN TỘC NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MƯỜNG

ÁO DÀI CÁCH TÂN

ÁO DÀI NGƯỜI KINH

ÁO DÀI THỜI TRANG

Như vậy, tri thức về áo dài thuộc nhóm mục từ về Trang phục trong Quyển 35. Dung lượng tri thức nằm trong mục từ *Áo dài người Kinh* được hình thành bởi đầu mục từ và nội dung mục từ. Dựa vào nội dung đã tìm hiểu về áo dài người Kinh có thể thấy *Áo dài người Kinh* thuộc thể loại mục từ dài bởi có lịch sử hình thành và phát triển.

Cũng như các mục từ khác trong *Bách khoa toàn thư Việt Nam*, mục từ *Áo dài người Kinh* sau khi được xác định cần có cấu trúc nội dung để biên soạn đầy đủ,

thống nhất. Lúc này thông tin đã được tìm hiểu phải trình bày một cách hệ thống trong kết cấu chặt chẽ dựa theo những tiêu chí được quy định cụ thể cả kênh chữ và kênh hình.

Trên cơ sở nguyên tắc, thể lệ biên soạn Đề án ban hành, có thể biên soạn theo cấu trúc cụ thể sau:

Tên mục từ;

Khái niệm về áo dài người Kinh (nêu định nghĩa, miêu tả hình thức, phân loại,...);

Lịch sử hình thành;

Quá trình phát triển;

Hình minh họa;

Vai trò và giá trị truyền thống;

Tên người biên soạn;

Tài liệu tham khảo.

Thông tin chính xác, mang tính cập nhật lúc này sẽ đảm bảo nội dung mục từ được biên soạn khoa học trong Quyển 35 nói riêng và *Bách khoa toàn thư Việt Nam* nói chung.

5. Kết luận

Lịch sử hình thành các tộc người ở Việt Nam gắn liền cùng lịch sử giữ nước, chống giặc ngoại xâm. Trong quá trình ấy, người Kinh có sự hình thành và lớn mạnh mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, liên kết cộng đồng các dân tộc. Nhà nước Văn Lang Âu Lạc - Nhà nước đầu tiên của Việt Nam ra đời có sự ghi nhận công lao đóng góp của người Kinh và đưa người Kinh vào vị trí trung tâm trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Bắt nguồn từ quần chân áo chít, áo dài người Kinh là sự lựa chọn của lịch sử, của dân tộc đã ra đời, tồn tại và phát triển. Và dù ở bất kỳ trào lưu cái cách nào áo dài người Kinh cũng vẫn góp phần khẳng định hình ảnh con người Việt Nam trong mắt bạn bè thế giới bởi sự tiếp nối vững vàng giữa truyền thống và hiện đại, giữa giao lưu tiếp biến và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Như một thành tựu văn hóa, áo dài Việt với bề dày lịch sử, qua tiếp xúc văn hóa sẽ luôn giữ vững bản sắc, phát huy được giá trị trong bảo tồn và phát triển. Tìm hiểu về áo dài người Kinh để có được nội dung biên soạn trong một cấu trúc mục từ hoàn chỉnh góp phần cung cấp thông tin về trang phục Việt Nam, khẳng định niềm tự hào của người Kinh nói riêng và người Việt Nam nói chung qua *Bách khoa toàn thư Việt Nam*.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đào Duy Anh, *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2002.
- [2] Toan Ánh, *Nếp cũ con người Việt Nam*, Nxb. Trẻ, Hà Nội, 2005.
- [3] Trần Quang Đức, *Ngàn năm áo mũ*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013.
- [4] Nguyễn Hữu Hoành, Từ Thu Hằng (Chủ biên), *Bách khoa thư các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2014.
- [5] Hội đồng Quốc gia Chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, *Từ điển bách khoa Việt Nam*, Tập 1, tái bản lần thứ nhất, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2007.
- [6] Phan Ngọc, *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2015.
- [7] Nhiều tác giả, *Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2018.
- [8] Nhất Thanh, *Đất lề quê thói*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2020.
- [9] Ngô Đức Thịnh, *Trang phục cổ truyền các dân tộc Việt Nam*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2019.
- [10] Đoàn Thị Tình, *Trang phục Việt Nam*, Nxb. Mỹ thuật, Hà Nội, 2006.
- [11] Trịnh Quang Vũ, *Lịch sử trang phục các triều đại phong kiến Việt Nam*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2007.
- [12] Trịnh Quang Vũ, *Trang phục triều Lê Trịnh*, Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội, 2008.